

Bản án số: 295/2017/HSST
Ngày 09-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 312/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2017/HSST-QĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 tại tỉnh G; thường trú: Ấp Vĩnh L, xã Vĩnh B, huyện Châu T, tỉnh G; chỗ ở: Khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1958; chồng tên Nguyễn Lê V, sinh năm 1973; có 02 con sinh năm 2000 và 2003; có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2017 đến ngày 12/10/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Mai Tiến L- Chi nhánh Văn phòng luật sư Vũ T thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH EV; trụ sở: Số 7A Đại Lộ T, khu công nghiệp S2, thị xã D, tỉnh B. Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Chánh Q, sinh năm 1972; thường trú: Số 15/27, khu phố B, phường L, thị xã Th, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/8/2017). Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Linh P, sinh năm 1973; thường trú: Số 96A, phường TB, quận 9, Thành phố H. Vắng mặt.
2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1983; thường trú: Số 44, đường 12, khu phố 4, phường B, quận Đ, Thành phố H. Vắng mặt.
3. Anh Dương Công L, sinh năm 1980; thường trú: Xã Q, huyện P, tỉnh T. Chỗ ở: Khu phố 3, phường A, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L là tổ trưởng tổ chuyên may của Công ty TNHH EV tại khu công nghiệp S2, thị xã D, tỉnh B. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 07/8/2017, Nguyễn Thị L đang làm việc tại xưởng may thì nhìn thấy tổ ủi- kiểm hàng kế bên có nhiều áo thun nam đẹp. Đến khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, L lấy 20 cái áo thun nam hiệu CK (Clein Klen) màu đen mang về tổ chuyên may cất giấu 17 cái áo trên chuyên rồi lấy áo bán thành phẩm che lại và giấu 03 cái áo trong tủ nguyên phụ liệu do L quản lý. Đến 12 giờ 30 phút ngày 08/8/2017, L lấy 05 cái áo thun cất giấu ở trên chuyên và quần vào hai bên bắp chân, mỗi bên 02 cái; quần quanh bụng 01 cái và dùng vải buộc chặt. Đến khoảng 18 giờ, khi L đi đến cổng nhà xe thì bị lực lượng bảo vệ và an ninh của công ty kiểm tra phát hiện lập biên bản vụ việc và tạm giữ 05 cái áo đồng thời cho L ra về. Sáng ngày 09/8/2017, L đi làm và khai nhận còn cất giấu 15 cái áo, lực lượng bảo vệ an ninh của công ty đã lập biên bản tạm giữ đối với 15 cái áo. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, L đến đồn công an khu công nghiệp đầu thú.

Kết luận định giá số 201/BB.ĐG ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận: Áo thun CK màu đen mã hàng 23285 có giá 1.350.000 đồng x 20 cái = 27.000.000 đồng, đã thu hồi trả lại cho công ty.

Vật chứng: 20 áo thun CK màu đen mã hàng 23285.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 201/BB.ĐG ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá thị xã D nêu trên.

Tại cáo trạng số 293/QĐ - KSĐT ngày 13 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138, Điều 18 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 18; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L: Thống nhất với nội dung truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật Nhà nước và địa phương; trình độ văn hóa mới học đến lớp 4 nên nhận thức pháp luật bị hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; nguyên đơn dân sự và những người làm chứng cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 07/8/2017, tại tổ ủi-kiểm hàng của Công ty TNHH EV; trụ sở: Số 7A Đại Lộ T, khu công nghiệp S 2, thị xã D, tỉnh B, Nguyễn Thị L đã lén lút chiếm đoạt 20 cái áo thun CK màu đen mã hàng 23285, trị giá 27.000.000 đồng của Công ty TNHH EV bằng cách mang từ tổ ủi-kiểm hàng về tổ chuyên may cất giấu, sau đó quần vào hai bên bắp chân, bụng và dùng vải buộc chặt để đưa ra ngoài thì lực lượng bảo vệ của công ty phát hiện bắt giữ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

Như vậy, hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của nguyên đơn dân sự có trị giá 27.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138, Điều 18 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 293/QĐ - KSĐT ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo

với mức án tù tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo L có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật Nhà nước và địa phương; trình độ văn hóa mới học đến lớp 4 nên nhận thức pháp luật bị hạn chế, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo có 02 người con còn nhỏ, chồng bị cáo đang chấp hành án tù về tội đặc biệt nghiêm trọng nên bị cáo là lao động chính trong gia đình và chăm sóc con.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Nguyên đơn dân sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị cáo được tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã D. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[9] Mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo L là phù hợp với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 18; điểm g, h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; khoản 3 Điều 52; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Thị Ngọc Liên